

Luật Công đoàn 1990	Luật Công đoàn (sửa đổi) (Dự thảo 4)
<p><i>Để phát huy vai trò của công đoàn trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền dân chủ và lợi ích của người lao động;</i></p> <p><i>Căn cứ vào các Điều 10, 32, 83, 86 và Điều 106 của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;</i></p> <p><i>Luật này quy định chức năng, quyền và trách nhiệm của công đoàn.</i></p>	<p><i>Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 51/2001/QH10 ngày 25 tháng 12 năm 2001 của Quốc hội khoá X, kỳ họp thứ 10;</i></p> <p><i>Quốc hội ban hành Luật Công đoàn (sửa đổi)</i></p>
CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG
<p>Điều 1</p> <p>1- Công đoàn là tổ chức chính trị - xã hội rộng lớn của giai cấp công nhân và của người lao động Việt Nam (gọi chung là người lao động) tự nguyện lập ra dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam; là thành viên trong hệ thống chính trị của xã hội Việt Nam; là trường học chủ nghĩa xã hội của người lao động.</p> <p>2- Những người lao động Việt Nam làm việc trong các đơn vị sản xuất kinh doanh thuộc các thành phần kinh tế, xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, đơn vị sự nghiệp, cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội (gọi chung là cơ quan, đơn vị, tổ chức) đều có quyền thành lập và gia nhập công đoàn trong khuôn khổ Điều lệ công đoàn Việt Nam.</p> <p>Các hội của những người lao động thành lập theo quy định của pháp luật có quyền gia nhập các Liên đoàn lao động.</p> <p>Khi thành lập, mỗi tổ chức công đoàn thông báo cho cơ quan chính quyền, tổ chức hữu quan để xây dựng quan hệ công tác.</p> <p>Cấm mọi hành vi cản trở, vi phạm nguyên tắc tự nguyện tham gia tổ chức và hoạt động công đoàn; phân biệt đối xử với lý do người lao động gia nhập, hoạt động công đoàn.</p> <p>3- Công đoàn từ cấp cơ sở trở lên có tư cách pháp nhân.</p>	<p>Điều 1. Công đoàn</p> <p>Công đoàn là tổ chức chính trị - xã hội rộng lớn của giai cấp công nhân và của người lao động Việt Nam tự nguyện lập ra dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam, là thành viên trong hệ thống chính trị của xã hội Việt Nam; đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của cán bộ, công nhân, công chức, viên chức và người lao động (gọi chung là người lao động); góp phần xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.</p>

<p>4- Tổng liên đoàn lao động Việt Nam, các công đoàn ngành Việt Nam có quyền gia nhập các tổ chức công đoàn quốc tế phù hợp với mục đích hoạt động của mình.</p>	
	<p>Điều 2. Phạm vi điều chỉnh</p> <p>Luật này quy định về quyền thành lập, gia nhập và hoạt động công đoàn của người lao động; chức năng, quyền và trách nhiệm của công đoàn; trách nhiệm của nhà nước, cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp sử dụng lao động, tổ chức đại diện của người sử dụng lao động; những bảo đảm hoạt động của công đoàn; giải quyết tranh chấp và xử lý vi phạm quyền công đoàn.</p>
	<p>Điều 3. Đối tượng áp dụng</p> <p>1. Luật này áp dụng đối với các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp, các doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động khác, tổ chức của người sử dụng lao động, người lao động (gọi chung là cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp, cá nhân).</p> <p>2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nước ngoài, cá nhân là người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam có liên quan đến tổ chức và hoạt động công đoàn, cũng áp dụng theo quy định của Luật này.</p>
<p>Điều 2</p> <p>1- Công đoàn đại diện và bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động; có trách nhiệm tham gia với Nhà nước phát triển sản xuất, giải quyết việc làm, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của người lao động.</p> <p>2- Công đoàn đại diện và tổ chức người lao động tham gia quản lý</p>	<p>Điều 4. Giải thích từ ngữ</p> <p>Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>1. <i>Quyền công đoàn</i> là những bảo đảm pháp lý do Nhà nước xác lập để công đoàn thực hiện chức năng của mình. Quyền công đoàn bao gồm quyền thành lập, gia nhập và hoạt động công đoàn của người lao động và của tổ chức công đoàn.</p>

cơ quan, đơn vị, tổ chức, quản lý kinh tế - xã hội, quản lý Nhà nước; trong phạm vi chức năng của mình, thực hiện quyền kiểm tra, giám sát hoạt động của cơ quan, đơn vị, tổ chức theo quy định của pháp luật.

3- Công đoàn có trách nhiệm tổ chức, giáo dục, động viên người lao động phát huy vai trò làm chủ đất nước, thực hiện nghĩa vụ công dân, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. *Công đoàn cơ sở* là tổ chức cơ sở của công đoàn, tập hợp đoàn viên công đoàn và người lao động trong một đơn vị sử dụng lao động hoặc một số đơn vị sử dụng lao động, được Công đoàn cấp trên cơ sở quyết định thành lập theo quy định của Điều lệ công đoàn Việt Nam.

3. *Nghiệp đoàn* là tổ chức cơ sở của công đoàn, tập hợp đoàn viên công đoàn và người lao động tự do, hợp pháp cùng ngành, nghề theo địa bàn, đơn vị lao động được Công đoàn cấp trên cơ sở quyết định thành lập theo quy định của Điều lệ công đoàn Việt nam.

4. *Công đoàn cấp trên cơ sở* là một cấp tổ chức trong hệ thống công đoàn. Công đoàn cấp trên cơ sở có quyền thành lập, công nhận, giải thể, chỉ đạo hoạt động công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn và liên kết các công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn theo quy định của Điều lệ công đoàn Việt nam.

5. Cán bộ công đoàn chuyên trách là người đảm nhiệm công việc thường xuyên trong tổ chức Công đoàn, được cơ quan có thẩm quyền của Công đoàn tuyển dụng, sử dụng, bổ nhiệm.

6. Cán bộ Công đoàn không chuyên trách là người làm việc kiêm nhiệm, được Đại hội, Hội nghị công đoàn bầu ra hoặc được cơ quan có thẩm quyền của Công đoàn chỉ định, bổ nhiệm vào chức danh từ Tổ phó công đoàn trở lên.

7. *Đại diện tập thể lao động ở cơ sở* là Ban chấp hành công đoàn cơ sở, Ban chấp hành nghiệp đoàn, Ban chấp hành công đoàn lâm thời hoặc Công đoàn cấp trên cơ sở.

8. *Đơn vị sử dụng lao động* là cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp, cá nhân có thuê mướn, tuyển dụng, sử dụng và trả công lao động.

9. *Tổ chức đại diện của người sử dụng lao động* là tổ chức do những người sử dụng lao động lập ra theo quy định của pháp luật để đại diện,

	<p>bảo vệ quyền lợi của người sử dụng lao động.</p> <p>10. <i>Tranh chấp về quyền công đoàn</i> là những tranh chấp phát sinh giữa người lao động, tổ chức công đoàn với cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp sử dụng lao động về việc thực hiện quyền công đoàn của người lao động và quyền công đoàn của tổ chức công đoàn.</p>
<p>Điều 3</p> <p>1- Trong mọi hoạt động, công đoàn phải tuân theo Hiến pháp, pháp luật.</p> <p>Cơ quan Nhà nước, thủ trưởng đơn vị, tổ chức tôn trọng quyền độc lập về tổ chức và các quyền khác của công đoàn quy định tại Luật này.</p> <p>2- Cơ quan Nhà nước, thủ trưởng đơn vị, tổ chức và công đoàn phải tăng cường mối quan hệ hợp tác trong mọi hoạt động nhằm mục đích xây dựng cơ quan, đơn vị, tổ chức, xây dựng đất nước và chăm lo lợi ích của người lao động; khi có những vấn đề còn có ý kiến khác nhau thì phải tiến hành đối thoại, hiệp thương, tìm cách giải quyết theo đúng pháp luật. Cơ quan Nhà nước, thủ trưởng đơn vị, tổ chức có trách nhiệm tạo điều kiện cần thiết để công đoàn hoạt động.</p> <p>3- Với sự thoả thuận của Tổng liên đoàn lao động Việt Nam, Hội đồng bộ trưởng quy định cụ thể về mối quan hệ hoạt động giữa cơ quan Nhà nước, thủ trưởng đơn vị, tổ chức với các cấp công đoàn.</p>	<p>Điều 5. Quyền thành lập, gia nhập và hoạt động công đoàn</p> <p>1. Người lao động Việt Nam làm việc trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, đều có quyền thành lập, gia nhập và hoạt động công đoàn theo quy định của Luật này và Điều lệ công đoàn Việt Nam.</p> <p>2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đang hoạt động chưa có tổ chức công đoàn thì chậm nhất sau sáu tháng kể từ ngày Luật này có hiệu lực và những cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp mới thành lập chưa có tổ chức Công đoàn thì chậm nhất sau sáu tháng kể từ ngày bắt đầu hoạt động, công đoàn cấp trên cơ sở có quyền và trách nhiệm thành lập công đoàn cơ sở hoặc chỉ định Ban chấp hành Công đoàn lâm thời.</p> <p>3. Khi công đoàn cơ sở được thành lập hoặc Ban chấp hành Công đoàn lâm thời được chỉ định theo đúng quy định của Điều lệ công đoàn Việt Nam thì đơn vị sử dụng lao động phải thừa nhận và tạo điều kiện thuận lợi để công đoàn cơ sở hoạt động.</p>
	<p>Điều 6. Nguyên tắc thành lập, tổ chức và hoạt động công đoàn</p> <p>1. Tổ chức công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn (gọi chung là công đoàn cơ sở) được thành lập, hoạt động, giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trên cơ sở tự nguyện của người lao động và được công đoàn cấp trên cơ sở quyết định theo quy định của Điều lệ công đoàn Việt Nam.</p> <p>2. Khi thành lập, hoạt động, giải thể hoặc chấm dứt hoạt động công đoàn cơ sở thì công đoàn cấp trên cơ sở thông báo với cơ quan, tổ chức,</p>

	<p>đơn vị, cá nhân có liên quan.</p> <p>3. Công đoàn tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, theo quy định của pháp luật và Điều lệ công đoàn Việt Nam.</p> <p>4. Công đoàn từ cấp cơ sở trở lên có tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật.</p>
	<p>Điều 7. Hệ thống tổ chức của Công đoàn</p> <p>Công đoàn Việt Nam là tổ chức thống nhất có các cấp cơ bản sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam. 2. Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là liên đoàn lao động tỉnh, thành phố), công đoàn ngành trung ương, công đoàn tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn. 3. Công đoàn cấp trên cơ sở. 4. Công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn.
	<p>Điều 8. Hợp tác quốc tế về công đoàn</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Hợp tác quốc tế về công đoàn với các nước, tổ chức quốc tế trên nguyên tắc bình đẳng, tôn trọng chủ quyền, phù hợp với pháp luật mỗi nước và thông lệ quốc tế. 2. Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, các công đoàn ngành trung ương, công đoàn Tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam có quyền gia nhập các tổ chức công đoàn quốc tế phù hợp với tôn chỉ, mục đích hoạt động của mình.
	<p>Điều 9. áp dụng Luật công đoàn, điều ước quốc tế và các Luật có liên quan</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Việc thành lập, tổ chức và hoạt động của công đoàn áp dụng theo

	<p>quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan. Trường hợp có quy định khác nhau giữa Luật này với Luật khác về công đoàn thì áp dụng theo quy định của Luật này.</p> <p>2. Trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam là thành viên có quy định khác với quy định của Luật này thì áp dụng theo quy định của điều ước quốc tế đó.</p>
	<p>Điều 10. Những hành vi bị nghiêm cấm</p> <p>Nghiêm cấm các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp, cá nhân thực hiện các hành vi sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Cản trở, gây khó khăn cho việc tổ chức thành lập và hoạt động công đoàn; 2. Phân biệt đối xử với người lao động vì lý do thành lập, gia nhập và hoạt động công đoàn; Phân biệt đối xử với cán bộ công đoàn chuyên trách do Công đoàn cấp trên cử đến làm việc tại doanh nghiệp. 3. Sử dụng các biện pháp kinh tế và các thủ đoạn khác để can thiệp vào tổ chức và hoạt động công đoàn. 4. Lợi dụng quyền công đoàn để vi phạm pháp luật, xâm phạm lợi ích của Nhà nước, xã hội, cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp, cá nhân.
<p>CHƯƠNG II</p> <p>QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG ĐOÀN</p>	<p>CHƯƠNG II</p> <p>Chức năng, QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG ĐOÀN</p>
<p>Điều 4</p> <p>1- Công đoàn đại diện và tổ chức người lao động tham gia với Nhà nước xây dựng và thực hiện chương trình phát triển kinh tế - xã hội, chính sách, cơ chế quản lý kinh tế, chủ trương, chính sách liên quan đến quyền, nghĩa vụ và lợi ích của người lao động.</p> <p>Chủ tịch Tổng liên đoàn lao động Việt Nam có quyền tham dự hội</p>	<p>Điều 11. Chức năng của Công đoàn</p> <p>Công đoàn đại diện bảo vệ các quyền lợi hợp pháp, chính đáng của người lao động; tham gia quản lý nhà nước, quản lý kinh tế và xã hội, tham gia kiểm tra, giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp sử dụng lao động; tuyên truyền và vận động người lao động chấp hành pháp luật, xây dựng và bảo vệ tổ quốc.</p>

ngợi của Hội đồng bộ trưởng. Chủ tịch công đoàn các cấp được dự hội nghị của cơ quan Nhà nước, đơn vị, tổ chức hữu quan khi bàn những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền, nghĩa vụ và lợi ích của người lao động.

2- Công đoàn có trách nhiệm tuyên truyền Hiến pháp và pháp luật, giáo dục người lao động ý thức chấp hành và tham gia đấu tranh bảo vệ pháp luật, tích cực xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa, lao động có kỷ luật, có năng suất, chất lượng và hiệu quả.

3- Công đoàn cơ sở cùng với cơ quan, đơn vị, tổ chức bảo đảm thực hiện quyền làm chủ của tập thể lao động theo quy định của pháp luật.

4- Công đoàn cùng với cơ quan, tổ chức, đơn vị kinh tế quốc doanh, đơn vị sự nghiệp và hợp tác xã tổ chức phong trào thi đua xã hội chủ nghĩa, phát huy mọi tiềm năng của người lao động thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội.

Điều 12. Quyền và trách nhiệm của Công đoàn trong việc đại diện bảo vệ quyền, lợi ích của người lao động

1. Hỗ trợ và hướng dẫn người lao động giao kết và thực hiện hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc với đơn vị sử dụng lao động.

2. Thương lượng, xây dựng, ký kết và thực hiện thoả ước lao động tập thể tại doanh nghiệp và cấp ngành.

3. Đối thoại với đơn vị sử dụng lao động để giải quyết các vấn đề liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động.

4. Tổ chức các hoạt động tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý cho người lao động.

5. Tham gia với các tổ chức, cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết tranh chấp lao động phát sinh trong quan hệ lao động.

6. Thực hiện quyền và trách nhiệm kiến nghị, khởi kiện khi quyền của người lao động bị vi phạm. Tham gia tố tụng trong các vụ án lao động, hành chính, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động trước Toà án.

	7. Tổ chức và lãnh đạo đình công theo quy định của pháp luật.
<p>Điều 5</p> <p>1- Trong phạm vi các vấn đề có liên quan trực tiếp đến quyền, nghĩa vụ và lợi ích của người lao động, Tổng liên đoàn lao động Việt Nam có quyền trình dự án luật, pháp lệnh ra trước Quốc hội và Hội đồng Nhà nước.</p> <p>2- Công đoàn tham gia với cơ quan Nhà nước xây dựng pháp luật, chính sách, chế độ về lao động, tiền lương, bảo hộ lao động và các chính sách xã hội khác liên quan trực tiếp đến quyền, nghĩa vụ và lợi ích của người lao động.</p> <p>3- Công đoàn có trách nhiệm đôn đốc, giám sát việc thực hiện các chính sách, chế độ về lao động.</p>	<p>Điều 13. Quyền và trách nhiệm của Công đoàn tham gia quản lý nhà nước, quản lý kinh tế và xã hội</p> <p>1. Tham gia với cơ quan nhà nước xây dựng và thực hiện chính sách, chương trình về phát triển kinh tế - xã hội; cơ chế quản lý kinh tế; giải quyết việc làm, tổ chức dạy nghề, nâng cao trình độ nghề nghiệp, văn hóa, khoa học, kỹ thuật cho người lao động; tham gia xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong doanh nghiệp.</p> <p>2. Tham gia với cơ quan nhà nước xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật về lao động, việc làm, tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hộ lao động và các chính sách, pháp luật khác liên quan đến quyền, nghĩa vụ của tổ chức công đoàn và người lao động.</p> <p>3. Phối hợp tổ chức các phong trào thi đua trong từng ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp.</p> <p>4. Phối hợp với cơ quan nhà nước nghiên cứu, ứng dụng khoa học, kỹ thuật bảo hộ lao động, xây dựng các tiêu chuẩn, quy phạm an toàn, vệ sinh lao động.</p> <p>5. Tham gia với cơ quan nhà nước quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; giải quyết khiếu nại, tố cáo của người lao động theo quy định của pháp luật.</p>
	<p>Điều 14. Quyền trình dự án Luật</p> <p>Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam có quyền trình dự án luật, pháp lệnh trước Quốc hội và Ủy ban thường vụ Quốc hội về các vấn đề liên quan trực tiếp đến tổ chức Công đoàn, quyền, nghĩa vụ của người lao động, .</p>

	<p>Điều 15. Quyền và trách nhiệm của Công đoàn tham dự các phiên họp</p> <p>Công đoàn các cấp có quyền và trách nhiệm tham gia các phiên họp khi bàn và quyết định những vấn đề liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam có quyền và trách nhiệm tham dự các phiên họp của Chính phủ. 2. Chủ tịch Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố được tham dự các kỳ họp Hội đồng nhân dân, các phiên họp của Ủy ban nhân dân cùng cấp. 3. Chủ tịch công đoàn ngành, Chủ tịch công đoàn cấp trên cơ sở và Chủ tịch công đoàn cơ sở được dự hội nghị của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp.
<p>Điều 6</p> <p>1- Công đoàn phối hợp với cơ quan Nhà nước nghiên cứu ứng dụng khoa học, kỹ thuật bảo hộ lao động, xây dựng các tiêu chuẩn, quy phạm an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp.</p> <p>2- Công đoàn có trách nhiệm giáo dục, vận động người lao động chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về bảo hộ lao động và bảo vệ môi trường.</p> <p>3- Công đoàn kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo hộ lao động. Khi phát hiện nơi làm việc có dấu hiệu nguy hiểm đến tính mạng người lao động, công đoàn có quyền yêu cầu người có trách nhiệm thực hiện ngay các biện pháp bảo đảm an toàn lao động, kể cả trường hợp phải tạm ngừng hoạt động, nếu thấy cần thiết.</p> <p>4- Việc điều tra các vụ tai nạn lao động phải có đại diện của công đoàn tham gia. Công đoàn có quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước hoặc Tòa án xử lý người chịu trách nhiệm để xảy ra tai nạn lao động theo quy định của pháp luật.</p>	

<p>Điều 7</p> <p>Công đoàn tham gia với cơ quan, đơn vị tổ chức hữu quan giải quyết việc làm, tổ chức dạy nghề, nâng cao trình độ nghề nghiệp, văn hoá, khoa học, kỹ thuật cho người lao động.</p>	
<p>Điều 8</p> <p>1- Công đoàn tham gia xây dựng các chính sách xã hội và tham gia với cơ quan Nhà nước quản lý bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật.</p> <p>2- Công đoàn có trách nhiệm cùng cơ quan, đơn vị, tổ chức hữu quan chăm lo đời sống văn hoá, hoạt động thể dục thể thao, tổ chức nghỉ ngơi, du lịch cho người lao động.</p> <p>3- Công đoàn cơ sở phối hợp với cơ quan, đơn vị, tổ chức quản lý và sử dụng quỹ phúc lợi tập thể, phục vụ lợi ích của người lao động.</p>	
<p>Điều 9</p> <p>1- Trong phạm vi chức năng của mình, công đoàn kiểm tra việc chấp hành pháp luật về hợp đồng lao động, tuyển dụng, cho thôi việc, tiền lương, tiền thưởng, bảo hộ lao động, bảo hiểm xã hội và các chính sách liên quan đến quyền, nghĩa vụ và lợi ích của người lao động.</p> <p>2- Khi kiểm tra, công đoàn yêu cầu thủ trưởng cơ quan, đơn vị, tổ chức trả lời những vấn đề đặt ra, kiến nghị biện pháp sửa chữa các thiếu sót, ngăn ngừa vi phạm pháp luật và xử lý người vi phạm pháp luật.</p> <p>3- Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, tổ chức phải trả lời cho công đoàn biết kết quả giải quyết những kiến nghị do công đoàn nêu ra trong thời hạn pháp luật quy định. Những vấn đề không giải quyết được phải nói rõ lý do.</p>	<p>Điều 16. Quyền và trách nhiệm của Công đoàn tham gia kiểm tra, giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp</p> <p>1. Tham gia xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Tham gia với cơ quan nhà nước kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chế độ, chính sách, pháp luật liên quan đến quyền và nghĩa vụ của người lao động.</p> <p>3. Tổ chức kiểm tra và phối hợp với cơ quan nhà nước tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật lao động; công đoàn; cán bộ, công chức; bảo hiểm xã hội; bảo hiểm y tế và điều tra tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.</p> <p>4. Khi kiểm tra, phối hợp thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật lao động, công đoàn, cán bộ, công chức, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và điều tra tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, công đoàn có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp cung cấp các tài liệu cần thiết,</p>

	<p>giải trình những vấn đề đặt ra trong quá trình kiểm tra, điều tra; kiến nghị biện pháp sửa chữa thiếu sót, ngăn ngừa vi phạm, khắc phục hậu quả và yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý người vi phạm pháp luật.</p> <p>5. Trong trường hợp phát hiện nơi làm việc có yếu tố ảnh hưởng hoặc nguy hiểm đến sức khoẻ, tính mạng người lao động, Công đoàn có quyền yêu cầu người có trách nhiệm thực hiện ngay các biện pháp bảo đảm an toàn lao động, kể cả trường hợp phải tạm ngừng hoạt động.</p>
<p>Điều 10</p> <p>Công đoàn đại diện cho người lao động yêu cầu thủ trưởng cơ quan, đơn vị, tổ chức tiếp và trả lời các vấn đề do người lao động đặt ra.</p> <p>Khi cần thiết, công đoàn tổ chức đối thoại giữa tập thể lao động với thủ trưởng cơ quan, đơn vị, tổ chức hữu quan để giải quyết các vấn đề liên quan đến quyền, nghĩa vụ và lợi ích của người lao động.</p>	
	<p>Điều 17. Trách nhiệm của Công đoàn trong công tác tuyên truyền và vận động người lao động chấp hành pháp luật, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc</p> <p>1. Tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng cộng sản Việt Nam, chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến công đoàn và giai cấp công nhân Việt Nam.</p> <p>2. Tuyên truyền, vận động, giáo dục người lao động ý thức chấp hành pháp luật, tác phong công nghiệp, kỷ luật lao động và đấu tranh bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.</p>
<p>Điều 11</p> <p>1- Công đoàn cơ sở đại diện cho người lao động ký thoả ước lao động tập thể với giám đốc xí nghiệp thuộc các thành phần kinh tế; giám sát việc ký kết và thực hiện hợp đồng lao động.</p>	<p>Điều 18. Quyền và trách nhiệm của Công đoàn trong công tác phát triển đoàn viên và thành lập công đoàn cơ sở</p> <p>1. Công đoàn có quyền và trách nhiệm phát triển đoàn viên, thành lập công đoàn cơ sở trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp</p>

<p>2- Công đoàn tham gia với cơ quan Nhà nước giải quyết khiếu nại, tố cáo của người lao động theo pháp luật.</p> <p>3- Công đoàn đại diện cho người lao động thương lượng với thủ trưởng cơ quan, đơn vị, tổ chức để giải quyết các tranh chấp lao động xảy ra trong cơ quan, đơn vị, tổ chức mình.</p> <p>Khi cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc Tòa án xét xử tranh chấp lao động phải có đại diện của công đoàn tham dự và phát biểu ý kiến.</p> <p>4- Người lao động, dù chưa là đoàn viên công đoàn cũng có quyền yêu cầu Ban chấp hành công đoàn đại diện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình trước Tòa án, thủ trưởng cơ quan, đơn vị, tổ chức hữu quan.</p>	<p>thuộc các thành phần kinh tế.</p> <p>2. Việc thành lập công đoàn cơ sở hoặc chỉ định Ban chấp hành công đoàn lâm thời ở cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp có đủ điều kiện thành lập công đoàn do Công đoàn cấp trên cơ sở quyết định.</p> <p>3. Công đoàn cấp trên cơ sở có quyền cử cán bộ công đoàn đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp sử dụng lao động để tuyên truyền, vận động, hướng dẫn người lao động thành lập, gia nhập và hoạt động công đoàn.</p> <p>4. Công đoàn cơ sở ở những cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp có từ 500 lao động trở lên có ít nhất một cán bộ công đoàn chuyên trách. Công đoàn cấp trên cơ sở có quyền và trách nhiệm lựa chọn cán bộ công đoàn tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp hoặc cử cán bộ công đoàn chuyên trách đến làm việc tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp sau khi trao đổi, thống nhất với người sử dụng lao động.</p>
	<p>Điều 19. Quyền và trách nhiệm của công đoàn đối với người lao động ở cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp chưa thành lập công đoàn cơ sở</p> <p>Công đoàn cấp trên cơ sở có quyền và trách nhiệm đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động ở các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp chưa thành lập được tổ chức công đoàn cơ sở, theo quy định tại Điều 12 của Luật này.</p>
	<p>Điều 20. Quyền và trách nhiệm cụ thể của các cấp công đoàn</p> <p>Chính phủ thống nhất với Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam quy định quyền và trách nhiệm cụ thể của công đoàn cơ sở và công đoàn cấp trên cơ sở phù hợp với từng loại hình cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế.</p>

	<p style="text-align: center;">Chương Iii</p> <p style="text-align: center;">Trách nhiệm của Nhà nước, cơ quan nhà nước, đơn vị, doanh nghiệp đối với Công đoàn</p> <p style="text-align: right;">tổ chức,</p>
	<p style="text-align: center;">Điều 21. Quan hệ giữa Công đoàn với cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp</p> <p>Quan hệ giữa Công đoàn với cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp là quan hệ hợp tác, phối hợp để thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của các bên theo quy định của pháp luật; và được thực hiện theo quy chế phối hợp hoạt động do tổ chức công đoàn và cơ quan nhà nước hữu quan ở từng cấp, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thống nhất, ban hành.</p>
<p>Điều 12</p> <p>1- Cơ quan Nhà nước, thủ trưởng đơn vị, tổ chức cần phải thảo luận với công đoàn cùng cấp trước khi quyết định những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền, nghĩa vụ và lợi ích của người lao động.</p> <p>2- Trước khi quyết định các vấn đề về tiền lương, tiền thưởng, nhà ở, thi hành kỷ luật đến mức buộc người lao động thôi việc hoặc chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn thì giám đốc xí nghiệp quốc doanh, thủ trưởng cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp phải thảo luận, nhất trí với Ban chấp hành công đoàn.</p> <p>Trong trường hợp không nhất trí về những vấn đề quy định tại khoản này thì hai bên phải báo cáo với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giải quyết. Trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phải trả lời.</p> <p>Hội đồng bộ trưởng và Tổng liên đoàn lao động Việt Nam quy định cụ thể trình tự, thủ tục giải quyết các trường hợp không nhất trí giữa công đoàn với thủ trưởng cơ quan, đơn vị, tổ chức.</p> <p>Các vấn đề thuộc phạm vi tranh chấp lao động thì giải quyết theo</p>	<p>Điều 22. Trách nhiệm của Nhà nước, cơ quan nhà nước đối với Công đoàn</p> <p>1. Nhà nước có trách nhiệm bảo đảm, hỗ trợ, tạo những điều kiện cần thiết cho công đoàn thực hiện chức năng, quyền và trách nhiệm theo quy định của Luật này.</p> <p>2. Các cơ quan nhà nước có trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm những hành vi vi phạm pháp luật công đoàn; phối hợp với công đoàn chăm lo và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp chính đáng của người lao động.</p> <p>3. Khi xây dựng văn bản pháp luật có liên quan trực tiếp đến quyền, nghĩa vụ và chế độ chính sách đối với người lao động, cơ quan nhà nước có trách nhiệm thảo luận, lấy ý kiến của công đoàn cùng cấp.</p> <p>Trước khi thảo luận, lấy ý kiến của công đoàn, cơ quan nhà nước phải cung cấp các thông tin, tư liệu cần thiết để công đoàn tham gia có hiệu quả.</p> <p>4. Cơ quan nhà nước có trách nhiệm phối hợp và tạo điều kiện để</p>

<p>pháp luật về giải quyết tranh chấp lao động.</p> <p>3- Những vấn đề thuộc phạm vi thảo luận và nhất trí giữa Tổng liên đoàn lao động Việt Nam và Hội đồng bộ trưởng thì giải quyết theo Quy chế phối hợp hoạt động giữa hai bên.</p>	<p>công đoàn thực hiện quyền tham gia quản lý nhà nước; tạo điều kiện thuận lợi cho công đoàn tham gia các hoạt động tổ tụng, đại diện, bảo vệ quyền lợi của người lao động theo quy định của pháp luật.</p>
<p>Điều 13</p> <p>Căn cứ vào những quy định tại Luật này, Hội đồng bộ trưởng cùng với Tổng liên đoàn lao động Việt Nam quy định cụ thể quyền và trách nhiệm công đoàn cơ sở phù hợp với đặc điểm của từng loại cơ quan, đơn vị, tổ chức và xí nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, hợp tác xã.</p>	<p>Điều 23. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đối với Công đoàn</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động thành lập, gia nhập và hoạt động công đoàn; 2. Cộng tác và phối hợp với tổ chức công đoàn cấp trên cơ sở trong việc thành lập công đoàn cơ sở và thực hiện quyền, trách nhiệm đại diện, bảo vệ người lao động theo quy định của Luật này. 3. Phối hợp với công đoàn cơ sở xây dựng quy chế phối hợp hoạt động phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của mỗi bên. 4. Trao đổi, cung cấp thông tin liên quan đến tổ chức, hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp. Hợp tác trong việc đối thoại, thương lượng, ký kết và thực hiện thoả ước lao động tập thể; giải quyết tranh chấp lao động và những vấn đề liên quan đến việc thực hiện pháp luật lao động; xây dựng quan hệ lao động hài hoà, ổn định, tiến bộ tại doanh nghiệp; xây dựng cơ quan, tổ chức, đơn vị trong sạch, vững mạnh. 5. Trước khi quyết định những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền và nghĩa vụ của người lao động, cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp phải lấy ý kiến tham gia và được sự nhất trí của công đoàn cùng cấp theo quy định của pháp luật. 6. Trích nộp kinh phí công đoàn theo quy định tại Khoản 2 Điều 27 của Luật này.

<p style="text-align: center;">CHƯƠNG III</p> <p style="text-align: center;">NHỮNG BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG CÔNG ĐOÀN</p>	<p style="text-align: center;">CHƯƠNG IV</p> <p style="text-align: center;">NHỮNG BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG ĐOÀN</p>
<p>Điều 14</p> <p>Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, tổ chức tạo điều kiện làm việc, cung cấp thông tin cần thiết để công đoàn thực hiện chức năng, quyền, trách nhiệm của mình.</p> <p>Với sự thoả thuận của Tổng liên đoàn lao động Việt Nam, Hội đồng bộ trưởng quy định cụ thể các vấn đề này.</p>	<p>Điều 24. Bảo đảm về tổ chức, cán bộ</p> <p>1. Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam quyết định về tổ chức và cán bộ của hệ thống công đoàn theo thẩm quyền, để đáp ứng yêu cầu thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Các cấp công đoàn được bảo đảm về lực lượng cán bộ công đoàn hoạt động chuyên trách, không chuyên trách, người làm việc theo chế độ hợp đồng theo quy định và hướng dẫn của Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam.</p>
	<p>Điều 25. Bảo đảm điều kiện hoạt động công đoàn</p> <p>1. Cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp sử dụng lao động thuộc các thành phần kinh tế có trách nhiệm bố trí trụ sở, nơi làm việc và bảo đảm các phương tiện làm việc cần thiết cho công đoàn hoạt động.</p> <p>2. Người lao động là cán bộ công đoàn không chuyên trách được sử dụng thời gian trong giờ làm việc để hoạt động công đoàn và được cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp trả lương:</p> <p>a. Chủ tịch, Phó chủ tịch công đoàn cơ sở và công đoàn cấp trên cơ sở từ ba ngày đến sáu ngày trong một tháng.</p> <p>b. Ủy viên ban chấp hành công đoàn cơ sở, tổ trưởng công đoàn từ 1 đến 3 ngày trong một tháng.</p> <p>3. Người lao động là cán bộ công đoàn không chuyên trách được nghỉ làm việc có hưởng lương trong những ngày tham gia tập huấn, hội họp do công đoàn cấp trên cơ sở triệu tập.</p> <p>4. Người lao động là cán bộ công đoàn không chuyên trách do cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp trả lương, được hưởng phụ cấp hoạt động công đoàn theo quy định của Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam.</p>

	<p>5. Cán bộ công đoàn chuyên trách tại doanh nghiệp do công đoàn trả lương, được người sử dụng lao động trả phụ cấp chênh lệch tiền lương, bảo đảm các quyền lợi, phúc lợi tập thể như người lao động làm việc trong doanh nghiệp theo thoả ước lao động tập thể hoặc quy chế của doanh nghiệp.</p>
<p>Điều 15</p> <p>1- Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, tổ chức tạo điều kiện thuận lợi để người lao động làm tròn nhiệm vụ khi họ được bầu vào Ban chấp hành công đoàn hoặc được công đoàn giao nhiệm vụ.</p> <p>2- Cán bộ công đoàn không chuyên trách được dành một số thời gian nhất định trong giờ làm việc để hoạt động công đoàn. Hội đồng bộ trưởng và Tổng liên đoàn lao động Việt Nam quy định cụ thể thời gian và điều kiện hoạt động của cán bộ công đoàn không chuyên trách.</p> <p>3- Tổng liên đoàn lao động Việt Nam quy định số lượng cán bộ hoạt động chuyên trách công đoàn.</p> <p>Tiền lương của cán bộ chuyên trách do Tổng liên đoàn lao động Việt Nam quy định theo chính sách chung và do quỹ công đoàn đài thọ.</p> <p>4- Khi quyết định buộc thôi việc, cho thôi việc hoặc chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn và chuyển công tác đối với uỷ viên Ban chấp hành công đoàn thì phải được Ban chấp hành công đoàn cùng cấp thoả thuận; đối với Chủ tịch Ban chấp hành công đoàn thì phải được công đoàn cấp trên trực tiếp thoả thuận.</p>	<p>Điều 26. Bảo đảm cho cán bộ công đoàn</p> <p>1. Người lao động là cán bộ công đoàn không chuyên trách được bảo đảm việc làm theo hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc đã giao kết với cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp. Trường hợp hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc hết hạn mà người lao động đang trong nhiệm kỳ tham gia Ban chấp hành công đoàn cơ sở, thì mặc nhiên được tiếp tục thực hiện hợp đồng đến hết nhiệm kỳ; nếu vẫn được tín nhiệm bầu tham gia Ban chấp hành công đoàn cơ sở nhiệm kỳ tiếp theo thì được ký kết hợp đồng lao động không xác định thời hạn hoặc hợp đồng lao động xác định thời hạn bằng với thời hạn nhiệm kỳ của BCH công đoàn cơ sở.</p> <p>2. Trong thời gian người lao động làm công tác công đoàn, cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp sử dụng lao động không được đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc, kỷ luật hạ bậc lương, chuyển làm công việc khác, buộc thôi việc hoặc sa thải nếu không có lý do chính đáng và được sự tham gia, chấp thuận của Ban chấp hành công đoàn cơ sở hoặc Công đoàn cấp trên cơ sở.</p> <p>3. Trong trường hợp người lao động làm công tác công đoàn, bị cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp sử dụng lao động chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc, buộc thôi việc hoặc sa thải trái pháp luật, thì công đoàn sử dụng các biện pháp yêu cầu cơ quan quản lý nhà nước can thiệp hoặc đại diện khởi kiện trước toà án để bảo vệ quyền lợi; đồng thời hỗ trợ tìm kiếm việc làm mới và trợ cấp một khoản phụ cấp bảo đảm ổn định đời sống trong thời gian bị gián đoạn việc làm.</p>

<p>Điều 16</p> <p>1- Công đoàn thực hiện tự quản về tài chính theo pháp luật và những quy định của Tổng liên đoàn lao động Việt Nam.</p> <p>2- Các nguồn thu vào quỹ công đoàn gồm có :</p> <p>a) Tiền do đoàn viên công đoàn đóng góp; thu được từ hoạt động văn hoá, thể thao, du lịch, kinh doanh của công đoàn; do các tổ chức quốc tế, các công đoàn nước ngoài ủng hộ;</p> <p>b) Kinh phí do ngân sách Nhà nước cấp; tiền trích từ quỹ cơ quan, đơn vị, tổ chức chuyển vào quỹ công đoàn theo quy định của Hội đồng bộ trưởng. <i>(Theo quy định hiện tại, các đơn vị, doanh nghiệp trong nước trích 2% tổng quỹ tiền lương, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trích 1% tổng quỹ tiền lương).</i></p>	<p>Điều 27. Tài chính công đoàn</p> <p>1. Công đoàn thực hiện tự quản về tài chính theo quy định của pháp luật và của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.</p> <p>2. Tài chính công đoàn gồm các nguồn thu sau:</p> <p>a. Đoàn phí công đoàn do đoàn viên đóng hàng tháng theo quy định của Điều lệ công đoàn Việt Nam.</p> <p>b. Kinh phí công đoàn do cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đóng bằng 2% tổng quỹ tiền lương thực trả cho người lao động.</p> <p>c. Kinh phí Nhà nước cấp hỗ trợ.</p> <p>d. Nguồn thu khác từ hoạt động văn hoá, thể thao, du lịch kinh doanh của công đoàn; thu từ các đề án, dự án do Nhà nước giao, từ viện trợ, hỗ trợ của các công đoàn nước ngoài, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.</p>
	<p>Điều 28. Sử dụng, quản lý tài chính công đoàn</p> <p>1. Tài chính công đoàn được sử dụng chi cho hoạt động thực hiện quyền, trách nhiệm của công đoàn và duy trì hoạt động của hệ thống công đoàn:</p> <p>a. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, nâng cao nhận thức chính trị cho người lao động.</p> <p>b. Tổ chức hoạt động đại diện bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của người lao động.</p> <p>c. Phát triển đoàn viên, xây dựng công đoàn cơ sở vững mạnh.</p> <p>d. Tổ chức các hoạt động về giới và bình đẳng giới.</p> <p>đ. Hỗ trợ tổ chức hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao, giáo dục truyền thống, nghỉ ngơi dưỡng sức cho người lao động.</p> <p>e. Hỗ trợ tổ chức phong trào thi đua lao động sản xuất góp phần</p>

	<p>hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp.</p> <p>g. Tổ chức thăm hỏi ốm đau, hoạn nạn, hiếu hỉ và các hoạt động chăm lo khác cho người lao động.</p> <p>h. Bảo đảm kinh phí hoạt động của bộ máy để thực hiện chức năng và nhiệm vụ của tổ chức công đoàn.</p> <p>2. Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam quy định cụ thể việc phân phối, sử dụng, quản lý tài chính công đoàn.</p> <p>3. Ủy ban kiểm tra công đoàn các cấp có trách nhiệm kiểm tài chính công đoàn.</p> <p>4. Nhà nước giám sát việc quản lý, sử dụng tài chính của công đoàn theo quy định của pháp luật.</p>
<p>Điều 17</p> <p>Tài sản của công đoàn là tài sản xã hội chủ nghĩa, được pháp luật bảo vệ và khuyến khích phát triển, phải quản lý và sử dụng đúng pháp luật.</p> <p>Các bất động sản, động sản, các quỹ công đoàn, các phương tiện hoạt động và các tài sản khác do công đoàn tạo nên, do nước ngoài viện trợ cho công đoàn là tài sản thuộc quyền sở hữu của công đoàn.</p>	<p>Điều 29. Tài sản công đoàn</p> <p>Những tài sản được hình thành từ nguồn đóng góp của đoàn viên công đoàn, từ nguồn vốn của công đoàn; tài sản do nhà nước chuyển giao quyền sở hữu cho công đoàn và các nguồn khác phù hợp với quy định của pháp luật là tài sản thuộc sở hữu của công đoàn.</p> <p>Tổng Liên đoàn lao động Việt nam thực hiện quyền và trách nhiệm sở hữu tài sản của công đoàn theo quy định của pháp luật.</p>
	<p>CHƯƠNG V</p> <p>Giải quyết tranh chấp, xử lý vi phạm pháp luật công đoàn</p>
	<p>Điều 30. Giải quyết tranh chấp về quyền công đoàn</p> <p>Khi phát sinh tranh chấp về quyền công đoàn giữa người lao động, tổ chức công đoàn với cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp, thì thẩm quyền, trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp được thực hiện theo quy định dưới đây:</p>

	<p>1. Các tranh chấp thuộc phạm vi quyền, trách nhiệm của công đoàn trong quan hệ lao động thì thẩm quyền, trình tự, thủ tục giải quyết theo pháp luật giải quyết tranh chấp lao động.</p> <p>2. Các tranh chấp thuộc phạm vi quyền và trách nhiệm của công đoàn trong các quan hệ khác, thì thẩm quyền, trình tự, thủ tục giải quyết theo pháp luật tương ứng liên quan.</p> <p>3. Các tranh chấp liên quan đến việc không thực hiện hoặc từ chối thực hiện trách nhiệm của doanh nghiệp đối với Công đoàn cơ sở hoặc Công đoàn cấp trên cơ sở có thể trực tiếp kiến nghị các cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết, hoặc khởi kiện yêu cầu Tòa án xét xử, cưỡng chế thực hiện theo pháp luật.</p>
	<p>Điều 31. Xử lý vi phạm pháp luật công đoàn</p> <p>1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp, cá nhân có hành vi vi phạm các quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan đến quyền công đoàn, thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính, bồi thường thiệt hại, đình chỉ hoạt động hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Chính phủ quy định cụ thể việc xử phạt hành chính đối với hành vi vi phạm pháp luật công đoàn.</p>
<p>CHƯƠNG IV ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG</p>	<p>CHƯƠNG VI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH</p>
<p>Điều 18</p> <p>Người vi phạm các quy định của Luật này, thì tùy theo mức độ nhẹ hoặc nặng mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.</p>	<p>Điều 32. Hiệu lực thi hành</p> <p>Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày.... tháng.... năm 2011 và thay thế Luật Công đoàn năm 1990.</p>

<p>Điều 19</p> <p>Luật này thay thế Luật công đoàn ngày 5-11-1957. Các quy định trước đây trái với Luật này đều bãi bỏ.</p>	<p>Điều 33. Hướng dẫn thi hành</p> <p>Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật này sau khi thống nhất với Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam .</p>
<p><i>Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá VIII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 30 tháng 6 năm 1990.</i></p>	<p><i>Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XII, kỳ họp thứ.... thông qua ngày.... tháng.... năm 2010.</i></p>